

Kinh Tăng Chi Bộ I – Chương 1 – 2. Phẩm đoạn triển cái

11. “Nāhaṃ , bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā kāmaccando uppajjati uppanno vā kāmaccando bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattati yathayidaṃ, bhikkhave, subhanimittaṃ. Subhanimittaṃ, bhikkhave, ayoniso manasi karoto anuppanno ceva kāmaccando uppajjati uppanno ca kāmaccando bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattatī”ti. Paṭhamam.

11. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho dục tham chưa sinh khởi được sinh khởi, hay dục tham đã sinh khởi được tăng trưởng và mở rộng như pháp subhanimitta (Duyên tướng đẹp, tốt đẹp, đáng ưa thích) này. Đối với pháp subhanimitta, khi tác ý không như lý, dục tham chưa sinh khởi sẽ sinh khởi, và dục tham đã sinh khởi sẽ tăng trưởng và mở rộng.”

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch:

“Ta không thấy một phép nào khác, này các Tỳ-khưu, dẫn đến dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng quảng đại, này các Tỳ-khưu, như tịnh tướng. Tịnh tướng, này các Tỳ-khưu, nếu không như lý tác ý, đưa đến dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng quảng đại.”

12. “Nāhaṃ , bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā byāpādo uppajjati uppanno vā byāpādo bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattati yathayidaṃ, bhikkhave, paṭighanimittaṃ. Paṭighanimittaṃ, bhikkhave, ayoniso manasi karoto anuppanno ceva byāpādo uppajjati uppanno ca byāpādo bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattatī”ti. Dutiyam.

12. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho sân hận chưa sinh khởi được sinh khởi, hay sân hận đã sinh khởi được tăng trưởng và mở rộng như pháp paṭighanimitta (Dấu hiệu cản trở, sự đối kháng, sự phản kháng, sự chống đối) này. Đối với pháp paṭighanimitta, khi tác ý không như lý, sân hận chưa sinh khởi sẽ sinh khởi, và sân hận đã sinh khởi sẽ tăng trưởng và mở rộng.”

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch:

“Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ-khưu, đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng quảng đại, này các Tỳ-khưu, như đối ngại tướng. Đối ngại tướng, này các Tỳ-khưu, nếu không như lý tác ý, đưa đến sân, chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng quảng đại.”

13. “Nāhaṃ , bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannam vā thinamiddham uppajjati uppannam vā thinamiddham

bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattati yathayidaṃ, bhikkhave, arati tandī vijambhitā bhattasammado cetaso ca līnattaṃ. Līnacittassa, bhikkhave, anuppannañceva thinamiddhaṃ uppajjati uppannañca thinamiddhaṃ bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattatī”ti. Tatiyaṃ.

13. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho hôn trầm và thuy miên chưa sinh khởi được sinh khởi, hay hôn trầm và thuy miên đã sinh khởi được tăng trưởng và mở rộng như các trạng thái bất mãn, uể oải, duỗi mình, thoả mãn sau khi ăn và sự lười nhác của tâm này. Đối với người có tâm lười nhác, hôn trầm và thuy miên chưa sinh khởi sẽ sinh khởi, và hôn trầm và thuy miên đã sinh khởi sẽ tăng trưởng và mở rộng.”

14. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannaṃ vā uddhaccakukkuccaṃ uppajjati uppannaṃ vā uddhaccakukkuccaṃ bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattati yathayidaṃ, bhikkhave, cetaso avūpasamo. Avūpasantacittassa, bhikkhave, anuppannañceva uddhaccakukkuccaṃ uppajjati uppannañca uddhaccakukkuccaṃ bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattatī”ti. Catutthaṃ.

14. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho phóng dật và hối tiếc chưa sinh khởi được sinh khởi, hay phóng dật và hối tiếc đã sinh khởi được tăng trưởng và mở rộng như trạng thái tâm không được an tịnh này. Đối với người có tâm không an tịnh, phóng dật và hối tiếc chưa sinh khởi sẽ sinh khởi, và phóng dật và hối tiếc đã sinh khởi sẽ tăng trưởng và mở rộng.”

15. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannā vā vicikicchā uppajjati uppannā vā vicikicchā bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattati yathayidaṃ, bhikkhave, ayonisomanasikāro. Ayoniso, bhikkhave, manasi karoto anuppannā ceva vicikicchā uppajjati uppannā ca vicikicchā bhiyyobhāvāya vepullāya saṃvattatī”ti. Pañcamaṃ.

15. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho nghi ngờ chưa sinh khởi được sinh khởi, hay nghi ngờ đã sinh khởi được tăng trưởng và mở rộng như sự tác ý không như lý này. Đối với người tác ý không như lý, nghi ngờ chưa sinh khởi sẽ sinh khởi, và nghi ngờ đã sinh khởi sẽ tăng trưởng và mở rộng.”

16. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā kāmacchando nuppajjati uppanno vā kāmacchando pahīyati yathayidaṃ, bhikkhave, asubhanimittaṃ. Asubhanimittaṃ, bhikkhave, yoniso manasi karoto anuppanno ceva kāmacchando nuppajjati uppanno ca kāmacchando pahīyatī”ti. Chaṭṭhaṃ.

16. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho dục tham chưa sinh

khởi không sinh khởi, hay dục tham đã sinh khởi được đoạn trừ như pháp asubhanimitta này. Đối với pháp asubhanimitta, khi tác ý như lý, dục tham chưa sinh khởi sẽ không sinh khởi, và dục tham đã sinh khởi sẽ được đoạn trừ.”

17. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppanno vā byāpādo nuppajjati uppanno vā byāpādo pahīyati yathayidaṃ, bhikkhave, mettā cetovimutti. Mettaṃ, bhikkhave, cetovimuttiṃ yoniso manasi karoto anuppanno ceva byāpādo nuppajjati uppanno ca byāpādo pahīyatī”ti. Sattamaṃ.

17. “Đây các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho sân hận chưa sinh khởi không sinh khởi, hay sân hận đã sinh khởi được đoạn trừ như tâm giải thoát với lòng từ này. Đối với người tác ý như lý đến tâm giải thoát với lòng từ, sân hận chưa sinh khởi sẽ không sinh khởi, và sân hận đã sinh khởi sẽ được đoạn trừ.”

18. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannaṃ vā thinamiddhaṃ nuppajjati uppannaṃ vā thinamiddhaṃ pahīyati yathayidaṃ, bhikkhave, ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu. Āraddhavīriyassa, bhikkhave, anuppannañceva thinamiddhaṃ nuppajjati uppannañca thinamiddhaṃ pahīyatī”ti. Aṭṭhamaṃ.

18. “Đây các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho hôn trầm và thuy miên chưa sinh khởi không sinh khởi, hay hôn trầm và thuy miên đã sinh khởi được đoạn trừ như tinh tấn thuộc về sự khởi đầu, sự nỗ lực và sự cố gắng này. Đối với người có tinh tấn dũng mãnh, hôn trầm và thuy miên chưa sinh khởi sẽ không sinh khởi, và hôn trầm và thuy miên đã sinh khởi sẽ được đoạn trừ.”

19. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannaṃ vā uddhaccakukkuccaṃ nuppajjati uppannaṃ vā uddhaccakukkuccaṃ pahīyati yathayidaṃ, bhikkhave, cetaso vūpasamo. Vūpasantacittassa, bhikkhave, anuppannañceva uddhaccakukkuccaṃ nuppajjati uppannañca uddhaccakukkuccaṃ pahīyatī”ti. Navamaṃ.

19. “Đây các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho phóng dật và hối tiếc chưa sinh khởi không sinh khởi, hay phóng dật và hối tiếc đã sinh khởi được đoạn trừ như sự an tịnh của tâm này. Đối với người có tâm an tịnh, phóng dật và hối tiếc chưa sinh khởi sẽ không sinh khởi, và phóng dật và hối tiếc đã sinh khởi sẽ được đoạn trừ.”

20. “Nāhaṃ, bhikkhave, aññaṃ ekadhammampi samanupassāmi yena anuppannā vā vicikicchā nuppajjati uppannā vā vicikicchā pahīyati yathayidaṃ, bhikkhave, yonisomanasikāro. Yoniso, bhikkhave, manasi karoto anuppannā ceva vicikicchā nuppajjati uppannā ca vicikicchā pahīyatī”ti. Dasamaṃ.

20. “Này các Tỳ-khưu, Như Lai không thấy pháp nào khác khiến cho nghi ngờ chưa sinh khởi không sinh khởi, hay nghi ngờ đã sinh khởi được đoạn trừ như sự tác ý như lý này. Đối với người tác ý như lý, nghi ngờ chưa sinh khởi sẽ không sinh khởi, và nghi ngờ đã sinh khởi sẽ được đoạn trừ.”

Nīvaraṇappahānavaggo dutiyo.

Chương thứ hai: Sự đoạn trừ các triền cái.